

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 655/2023/DS-ST
Ngày: 01-12-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH -THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hồ Thị Thanh Loan**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đặng Văn Ân**
2. Ông **Vũ Huy Hoàng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà **Phan Mỹ Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2023 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 351/2023/TLST-DS ngày 12/7/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 583/2023/QĐST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 489/2023/QĐST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Đoàn Thị Kim D**, sinh năm: 1973

Địa chỉ: Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà Đoàn Thị Kim D có đơn xin vắng mặt tại toà lập ngày 06/10/2023)

- Bị đơn:

1. Ông **Phan Văn Mười H**, sinh năm: 1973
2. Bà **Đặng Thị Trúc L**, sinh năm: 1978

Cùng địa chỉ: Thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh
(ông H, bà L vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Đoàn Thị Kim D trình bày tại đơn khởi kiện ngày 06/6/2023, đơn xác định yêu cầu khởi kiện và xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 30/11/2023, các bản tự khai và biên bản không tiến hành hòa giải như sau:

Vào ngày 15/4/2022, ông Phan Văn Mười H (sau đây gọi tắt là ông H) và bà Đặng Thị Trúc L (sau đây gọi tắt là bà L) hỏi vay bà Đoàn Thị Kim D (sau đây gọi tắt là bà D) số tiền 1.000.000.000 đ (một tỷ đồng). Bà D đồng ý cho ông H và bà L vay tiền. Sau khi bà D đưa cho ông H và bà L số tiền 1.000.000.000 đ (một tỷ đồng) thì ông H và bà L đã ký vào hợp đồng vay nợ ngày 15/4/2022.

- Sáng ngày 22/6/2022, ông H và bà L yêu cầu bà D cho ông H và bà L mượn số tiền 300.000.000 đ (ba trăm triệu đồng). Đồng ý với yêu cầu của ông H và bà L, bà D đã chuyển khoản qua số tài khoản của bà L số tiền 300.000.000 đ (ba trăm triệu đồng) theo yêu cầu của bà L để cho ông H và bà L mượn với nội dung: “Dùng ck cho trưc le muon”

- Chiều ngày 22/6/2022, ông H và bà L hỏi vay tiếp của bà D số tiền 1.000.000.000 đ (một tỷ đồng). Khi đó, ông H và bà L thỏa thuận vay tiền của bà D trong thời hạn từ 22/6/2022 đến ngày 22/7/2022. Do đó, ngay sau khi bà D đưa cho ông H và bà L số tiền 1.000.000.000 đ (một tỷ đồng) thì ông H và bà L đã ký vào hợp đồng vay nợ ngày 22/6/2022.

- Ngày 30/7/2022, ông H và bà L hỏi mượn bà D 100.000.000 đ (một trăm triệu đồng). Bà L yêu cầu bà D chuyển khoản qua số tài khoản của Trần Vũ Quế P. Bà D đã chuyển khoản qua số tài khoản của Trần Vũ Quế P số tiền 100.000.000 đồng theo yêu cầu của ông H và bà L để cho ông H và bà L mượn.

Đến tháng 7/2022, bà D yêu cầu ông H và bà L trả cho bà D toàn bộ số tiền mà ông H và bà L đã vay của bà D theo các hợp đồng vay nợ và Giấy mượn tiền như đã nêu trên nhưng ông H và bà L không có tiền trả cho bà D. Để hợp thức hóa các khoản vay nêu trên, ngày 20/9/2022, bà D đã yêu cầu ông H và bà L đến Văn phòng công chứng An Lạc để ký hợp đồng vay tiền với nội dung ông H và bà L vay của bà D số tiền 2.400.000.000 đ (hai tỷ bốn trăm triệu đồng), thời hạn vay: từ ngày 20/9/2022 đến ngày 15/12/2022, lãi suất vay 1.66%/tháng.

Ngày 18/12/2022, bà D đã đưa cho bà L mượn số tiền 684.000.000 đ (sáu trăm tám mươi bốn triệu đồng). Ngay sau khi bà D đưa cho bà L mượn số tiền 684.000.000 đ (sáu trăm tám mươi bốn triệu đồng), bà L đã ký Giấy mượn tiền ngày 18/12/2022.

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/6/2023 đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh thụ lý giải quyết trong hồ sơ vụ án thì bà D khởi kiện ông H và bà L với nội dung yêu cầu: Buộc ông H và bà L trả lại cho cho D tổng số tiền nợ gốc là 2.400.000.000đ (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng) + 684.000.000 đ (Sáu trăm tám mươi bốn triệu đồng) tổng cộng là 3.084.000.000 đ (ba tỷ không trăm tám mươi bốn triệu đồng),

không yêu cầu trả tiền lãi phát sinh, trả 1 lần khi quyết định hoặc bản án có hiệu lực pháp luật.

Tuy nhiên, sau khi xem xét lại thì hiện tại bà D không có cơ sở để chứng minh được sau khi bà D chuyển khoản cho bà Trần Vũ Quế P số tiền 100.000.000 đ (một trăm triệu đồng) theo yêu cầu của ông H và bà L để cho ông H và bà L mượn thì bà Trần Vũ Quế P đã đưa số tiền này lại cho ông H và bà L nên trong vụ án hiện tại bà D xác định yêu cầu khởi kiện của bà D trong vụ án như sau:

- Buộc ông H và bà L trả lại cho cho D tổng số tiền nợ gốc mà ông H và bà L đã vay của bà D là 2.300.000.000đ (Hai tỷ ba trăm triệu đồng), không yêu cầu ông Phan Văn Mười H và bà Đặng Thị Trúc L trả lãi suất, yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật;

- Buộc bà L trả lại cho cho bà D số tiền mà bà L đã vay của bà D là 684.000.000 đ (Sáu trăm tám mươi bốn triệu đồng), không yêu cầu bà L trả lãi suất, yêu cầu bà L trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật

- Xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu buộc ông H và bà L trả lại cho cho bà D số tiền 100.000.000 đ (một trăm triệu đồng).

Bị đơn ông Phan Văn Mười H và bà Đặng Thị Trúc L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông H, bà L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Kim D với ông Phan Văn Mười H và bà Đặng Thị Trúc L, buộc ông H và bà L trả lại cho cho D tổng số tiền nợ gốc mà ông H và bà L đã vay của bà D là 2.300.000.000đ (Hai tỷ ba trăm triệu đồng, buộc bà L trả lại cho cho bà D số tiền mà bà L đã vay của bà D là 684.000.000 đ (Sáu trăm tám mươi bốn triệu đồng); Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà D về việc bà D yêu cầu ông H và bà L trả số tiền 100.000.000 đ (một trăm triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà D khởi kiện tranh chấp về hợp đồng vay tài sản với ông H, bà L. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ông H và bà L cư trú tại huyện Bình Chánh, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ

luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc xác định tư cách đương sự và sự vắng mặt của đương sự:

Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 562/UBND-XNTTHN ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (bút lục 54) có nội dung như sau: “Bà Đoàn Thị Kim D có tình trạng hôn nhân có kết hôn nhưng đã ly hôn theo quyết định số 248/2012/QĐST-HNGĐ ngày 25/5/2012 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân. Hiện chưa đăng ký kết hôn với ai”. Do đó, vào thời điểm bà D cho ông H và bà L vay tiền bà D có tình trạng hôn nhân là độc thân.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết công khai giấy triệu tập đương sự và các văn bản tố tụng mời ông H và bà L đến Tòa án để tham gia phiên tòa giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà D với ông H, bà L nhưng ông H và bà L không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Bà D có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà D, ông H và bà L theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông H và bà L là bị đơn trong vụ án. Trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông H và bà L không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà D. Vì vậy, ông H và bà L tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Do đó, ông H và bà L phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 và Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự trong vụ án cung cấp và tài liệu do Tòa án thu thập để làm cơ sở để xem xét giải quyết vụ án.

[3] Ngày 15/4/2022, bà D cho bà L và ông H vay số tiền 1.000.000.000 (một tỷ đồng). Hai bên có lập hợp đồng vay nợ ngày 15/4/2022, trong hợp đồng có thỏa thuận trả lãi suất hàng tháng nhưng không ghi cụ thể mức lãi suất.

Ngày 22/6/2022, bà D cho bà L và ông H vay số tiền 1.000.000.000 đ (một tỷ đồng). Hai bên có lập hợp đồng vay nợ ngày 22/6/2022, trong hợp đồng có đề cập đến vấn đề lãi suất nhưng không ghi cụ thể mức lãi suất, thời hạn vay từ ngày 22/6/2022 đến ngày 22/7/2022.

Ngày 22/6/2022, bà D cho bà L và ông H mượn số tiền 300.000.000 đ (ba trăm triệu đồng) bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của bà L với số tiền 300.000.000 đồng, với nội dung: “Dung ck cho truc le muon”

Ngày 30/7/2022, bà D chuyển vào tài khoản Trần Vũ Quế P với số tiền chuyển khoản là 100.000.000 đồng, nội dung “dung ck cho le muon”.

Để hợp thức hóa, tất cả khoản mà bà D đã cho ông H và bà L vay từ ngày 15/4/2022 đến ngày 30/7/2022 như đã nêu ở trên. Ngày 20/9/2022, bà D yêu cầu bà L

và ông H ra Văn phòng công chứng ký hợp đồng vay tiền với tổng số tiền bà D cho bà L và ông H vay 2.400.000.000 đồng. Thời hạn vay từ ngày 20/9/2022 đến hết ngày 15/12/2022, lãi suất vay 1.66%/tháng.

Ngày 18/12/2022, bà D cho bà L vay số tiền 684.000.000 đ (sáu trăm tám mươi bốn triệu đồng). Việc bà D cho bà L vay tiền bà L có viết Giấy mượn tiền ngày 18/12/2022, bà L cam kết đến ngày 02/4/2023, bà L sẽ hoàn trả số tiền trên bà D. Giấy mượn tiền ngày 18/12/2022 không có thỏa thuận lãi suất.

[4] Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/6/2023 của bà D đã được Tòa án thụ lý trong hồ sơ vụ án thì bà D khởi kiện ông H và bà L với nội dung yêu cầu: Bà Đoàn Thị Kim D đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xem xét giải quyết buộc ông Phan Văn Mười H và bà Đặng Thị Trúc L trả lại cho bà số tiền nợ gốc là 2.400.000.000đ (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng) và 684.000.000 đ (Sáu trăm tám mươi bốn triệu đồng), tổng cộng là 3.084.000.000 đ (Ba tỷ không trăm tám mươi bốn triệu đồng).

Ngày 30/11/2023, bà D có đơn xác định xác định yêu cầu khởi kiện và rút một phần yêu cầu khởi kiện với nội dung như sau:

“ - Buộc ông Phan Văn Mười H và bà Đặng Thị Trúc L trả lại cho cho tôi tổng số tiền nợ gốc mà ông Phan Văn Mười H và bà Đặng Thị Trúc L đã vay của tôi là 2.300.000.000đ (Hai tỷ ba trăm triệu đồng), không yêu cầu ông Phan Văn Mười H và bà Đặng Thị Trúc L trả lãi suất, yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật;

- Buộc bà Đặng Thị Trúc L trả lại cho cho tôi số tiền mà bà Đặng Thị Trúc L đã vay của tôi là 684.000.000 đ (Sáu trăm tám mươi bốn triệu đồng, không yêu cầu bà Đặng Thị Trúc L trả lãi suất, yêu cầu bà L trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật

- Xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu buộc ông H và bà L trả cho bà D số tiền 100.000.000 đ (một trăm triệu đồng)”.

Căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy việc bà D xác định lại yêu cầu khởi kiện trong đơn xác định yêu cầu khởi kiện và rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 30/11/2023 thuộc trường hợp thay đổi yêu cầu khởi kiện trong phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc bà D thay đổi yêu cầu khởi kiện trong đơn nêu trên.

Bà D xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông H và bà L trả cho bà D số tiền 100.000.000 đ (một trăm triệu đồng). Xét việc bà D rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông H và bà L là tự nguyện. Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của

bà D về việc bà D yêu cầu ông H và bà L trả số tiền 100.000.000 đ (một trăm triệu đồng).

[5] Căn cứ vào các nhận định nêu trên và căn cứ vào quy định tại Điều 463 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử nghĩ nên: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D về việc bà D khởi kiện yêu cầu ông H và bà L trả số tiền đã vay 2.300.000.000 đ (hai tỷ ba trăm triệu đồng; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D về việc bà D yêu cầu bà L trả số tiền vay là 684.000.000 đ (sáu trăm tám mươi bốn triệu đồng).

Số tiền mà bà D khởi kiện yêu cầu ông Hai và bà L trả số tiền đã vay 2.300.000.000 đ (hai tỷ ba trăm triệu đồng) khi xác lập hợp đồng vay tiền, các bên có thỏa thuận lãi suất nhưng không xác định cụ thể mức lãi suất nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Hội đồng xét xử nghĩ nên quyết định: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông H và bà L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Số tiền mà bà D yêu cầu bà L trả tiền vay là 684.000.000 đ (sáu trăm tám mươi bốn triệu đồng) khi xác lập hợp đồng, hai bên không có thỏa thuận lãi suất. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Hội đồng xét xử nghĩ nên quyết định: kể từ ngày bà D có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi bà L thi hành án xong nghĩa vụ trả tiền, bà L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Về án phí:

Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông H, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền mà bà D được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Cụ thể như sau:

Ông H và bà L chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 2.300.000.000 đ là $72.000.000 + 2\% \times 300.000.000 = 78.000.000$ đ (bảy mươi tám triệu đồng)

Bà L chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 684.000.000 là $20.000.000 + 4\% \times 284.000.000 = 31.360.000$ (ba mươi một triệu ba trăm sáu mươi nghìn) đồng

Hoàn lại cho bà Đoàn Thị Kim D số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 96, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ điểm a và b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Kim D đối với ông Phan Văn Mười H và bà Đặng Thị Trúc L về việc bà Đoàn Thị Kim D yêu cầu ông Phan Văn Mười H và bà Đặng Thị Trúc L trả số tiền vay 2.300.000.000 đ (hai tỷ ba trăm triệu đồng):

Ông Phan Văn Mười H và bà Đặng Thị Trúc L có trách nhiệm trả cho bà Đoàn Thị Kim D số tiền 2.300.000.000 đ (hai tỷ ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Phan Văn Mười H và bà Đặng Thị Trúc L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Kim D đối với bà Đặng Thị Trúc L về việc bà Đoàn Thị Kim D yêu cầu bà Đặng Thị Trúc L trả số tiền vay 684.000.000 đ (sáu trăm tám mươi bốn triệu đồng):

Bà Đặng Thị Trúc L có trách nhiệm trả cho bà Đoàn Thị Kim D số tiền 684.000.000 đ (sáu trăm tám mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày bà Đoàn Thị Kim D có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi bà Đặng Thị Trúc L thi hành án xong nghĩa vụ trả tiền, bà Đặng Thị Trúc L còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án cho bà Đoàn Thị Kim D theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền

3. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Kim D về việc bà Đoàn Thị Kim D yêu cầu ông Phan Văn Mười H và bà Đặng Thị Trúc L trả cho bà Đoàn Thị Kim D số tiền 100.000.000 đ (một trăm triệu đồng)

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

4.1 Ông Phan Văn Mười H và bà Đặng Thị Trúc L chịu án phí dân sự sơ thẩm là 78.000.000 (bảy mươi tám triệu đồng).

4.2 Bà Đặng Thị Trúc L chịu án phí dân sự sơ thẩm là 31.360.000 (ba mươi một triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

4.3 Hoàn lại cho bà Đoàn Thị Kim D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 46.840.000 (bốn mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019903 ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Ân

Vũ Huy Hoàng

Hồ Thị Thanh Loan

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 01/12/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà **Hồ Thị Thanh Loan**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Ân

2. Ông Vũ Huy Hoàng

Đã nghị án vụ án dân sự thụ lý số 351/2023/TLST-DS ngày 12/7/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa:

Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Kim D, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: D16/3 tầng 16, chung cư An Phú, 959-961-965 Hậu Giang, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn:

Ông Phan Văn Mười H, sinh năm: 1973

Bà Đặng Thị Trúc L, sinh năm: 1978

Cùng địa chỉ: E8/3 khu phố 5, thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

(Bà D có đơn xin vắng mặt, ông H, bà L vắng mặt tại phiên tòa)

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sự trình bày, tranh luận và xác nhận của đương sự tại phiên tòa và các quy định pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 96, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ điểm a và b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Kim D đối với ông Phan Văn Mười H và bà Đặng Thị Trúc L về việc bà Đoàn Thị Kim D yêu cầu ông Phan Văn Mười H và bà Đặng Thị Trúc L trả số tiền vay 2.300.000.000 đ (hai tỷ ba trăm triệu đồng):

Ông Phan Văn Mười H và bà Đặng Thị Trúc L có trách nhiệm trả cho bà Đoàn Thị Kim D số tiền 2.300.000.000 đ (hai tỷ ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Phan Văn Mười H và bà Đặng Thị Trúc L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Kim D đối với bà Đặng Thị Trúc L về việc bà Đoàn Thị Kim D yêu cầu bà Đặng Thị Trúc L trả số tiền vay 684.000.000 đ (sáu trăm tám mươi bốn triệu đồng):

Bà Đặng Thị Trúc L có trách nhiệm trả cho bà Đoàn Thị Kim D số tiền 684.000.000 đ (sáu trăm tám mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày bà Đoàn Thị Kim D có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi bà Đặng Thị Trúc L thi hành án xong nghĩa vụ trả tiền, bà Đặng Thị Trúc L còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án cho bà Đoàn Thị Kim D theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền

3. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Kim D về việc bà Đoàn Thị Kim D yêu cầu ông Phan Văn Mười H và bà Đặng Thị Trúc L trả cho bà Đoàn Thị Kim D số tiền 100.000.000 đ (một trăm triệu đồng)

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

4.1 Ông Phan Văn Mười H và bà Đặng Thị Trúc L chịu án phí dân sự sơ thẩm là 78.000.000 (bảy mươi tám triệu đồng).

4.2 Bà Đặng Thị Trúc L chịu án phí dân sự sơ thẩm là 31.360.000 (ba mươi một triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

4.3 Hoàn lại cho bà Đoàn Thị Kim D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 46.840.000 (bốn mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019903 ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Biểu quyết 3/3 trên từng vấn đề.

Buổi nghị án kết thúc lúc giờ phút cùng ngày, các thành viên đã đọc lại biên bản và ghi nhận đúng nội dung đã quyết định.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Ân

Vũ Huy Hoàng

Hồ Thị Thanh Loan